

HIỆN TƯỢNG ĐA THANH TRONG LẬP LUẬN NGHỊCH HƯỚNG

(QUA KHẢO SÁT CÁC MẪU LẬP LUẬN SỬ DỤNG KẾT TỪ *NHUNG*)
POLYPHONY IN CONVERSE ARGUMENTS (SURVEY OF THE ARGUMENTS
USING THE CONNECTOR NAMELY *NHUNG*)
NGUYỄN THỊ THU TRANG

(ThS; Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên)

Abstract: The article focuses on clarifying forms of polyphony in converse arguments through analyzing the arguments using the connector namely “nhưng”. The findings show that the polyphony in converse arguments usually occurs in four following typical cases: (1) the locutor presents his/her own view to reject the another one of the enunciator; (2) the locutor presents the view of the enunciator to reject the opinion of the another one; (3) the locutor presents different views of the enunciator, and does not express clearly his/her consensus or rejection; (4) the locutor presents the view which was affirmed by himself/herself in order to deny it and to protect the another one.

Key words: converse connector; theory of polyphony; locutor, enunciator.

1. Dẫn nhập

Đa thanh hay phức điệu vốn là một thuật ngữ của âm nhạc chỉ những bản nhạc có nhiều bè (nhiều giọng) chồng lên nhau. Lí thuyết đa thanh (*polyphony*) đã được Bakhtin áp dụng trong nghiên cứu thi pháp của tiểu thuyết Dostoevski - một loại hình tiểu thuyết hiện đại phá vỡ tính đơn thanh - một giọng (giọng tác giả) của tiểu thuyết truyền thống. O. Ducrot, nhà ngôn ngữ học người Pháp, trên cơ sở tiếp nhận và phát triển lí luận về đa thanh của Bakhtin, đã xây dựng nên lí thuyết đa thanh của sự phát ngôn. Theo đó, trong một phát ngôn đa thanh sẽ “có mặt những những người nói khác nhau với những cương vị nói năng khác nhau” [2; 186]. Đa thanh trong ngôn ngữ nói chung, trong lập luận nói riêng là một lí thuyết mới mẻ nhưng đầy lí thú. Trong bài viết này, dựa trên các mẫu lập luận sử dụng kết từ “nhưng”, chúng tôi sẽ phân tích để chỉ ra các hình thức đa thanh trong lập luận nghịch hướng, góp phần làm sáng tỏ thêm lí thuyết đa thanh trong ngôn ngữ.

2. Các khái niệm cơ bản và bản chất hiện tượng đa thanh trong lập luận nghịch hướng

2.1. Các khái niệm “tạo ngôn”, “chủ ngôn”, “thuyết ngôn”

Khi trình bày lí thuyết đa thanh trong ngôn ngữ, O. Ducrot đã phân biệt rõ ba khái niệm, đó là: *the producer* (*le producteur empirique*), *the locutor* (*le locuteur*) và *the enunciator* (*l'énonciateur*) [1; 30-46]. Khái niệm *producer* (chúng tôi tạm dịch là “tạo ngôn”) dùng để chỉ người thực hiện hành động ngôn ngữ để tạo ra các phát ngôn, phân biệt với *locutor* (Đỗ Hữu Châu dịch là “thuyết ngôn”) chỉ người chịu trách nhiệm về phát ngôn đó. Ducrot đã giả sử mình có con trai là một học sinh, theo yêu cầu của lãnh đạo nhà trường, cậu mang về một văn bản mẫu cho cha kí tên. Trong giấy có viết “*Tôi đồng ý cho con trai tham gia vào các hoạt động dã ngoại của trường*”. Trong trường hợp này, thuyết ngôn chính là Ducrot, là người chịu trách nhiệm về điều đã cam kết với nhà trường. Còn người thực sự tạo ra phát ngôn này là ai, là người thư kí là một thành viên của ban lãnh đạo nhà trường, hay là chính ông, theo Ducrot rất khó để xác định.

Cũng theo tác giả, sự phân biệt giữa “tạo ngôn” và “thuyết ngôn” rất gần với sự phân biệt giữa khái niệm “tác giả” (*author*), “người kể chuyện” (*narrator*) với “nhân vật” (*character*) trong các tác phẩm văn chương. Ví dụ, mở đầu *Dế mèn phiêu lưu kí* có đoạn viết: “Tôi sống độc lập từ thừa bé. Ấy là tục lệ lâu đời trong họ dế chúng tôi” [5; 9] thì “tôi” - thuyết ngôn - nhân vật Dế Mèn đồng thời cũng là người kể chuyện, phân biệt với tạo ngôn - nhà văn Tô Hoài. Nhưng ở đoạn khác: “Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu thế này: - Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy” [5; 22] thì “tôi” - thuyết ngôn - nhân vật Dế Choắt phân biệt với tôi¹ - nhân vật Dế Mèn - người kể chuyện và tạo ngôn - tác giả Tô Hoài.

Các phát ngôn đều chứa đựng một hoặc một vài quan điểm. Khái niệm *enunciator* (Đỗ Hữu Châu dịch là “chủ ngôn”) dùng để chỉ nguồn gốc của những quan điểm khác nhau có mặt trong phát ngôn, phân biệt với *locutor* - “thuyết ngôn”. Ví dụ trong đoạn hội thoại bằng tiếng Anh giữa A và B được dẫn ở [1; 35]:

A: B, you're a fool!

B: So, I'm a fool, am I! Well, just you wait!”

(Tạm dịch:

A: B, mày là một thằng ngu!

B: Ừ, tao là một thằng ngu đấy! Mày cứ chờ xem!)

Trong trường hợp này, B là thuyết ngôn của “I’m a fool”, còn chủ ngôn của quan điểm này là A.

O. Ducort cho rằng sự phân tách giữa các vai “thuyết ngôn” và “chủ ngôn” là thường xuyên xảy ra. Ví dụ như hiện tượng phủ định (*phonemenon of negation*), kí hiệu là *non-X*. Nếu phải mô tả một phát ngôn *non-X*, thì *non-X* giới thiệu hai quan điểm của hai chủ ngôn là E1 và E2. Người thứ nhất - chủ ngôn E1 có quan điểm khẳng định X; người thứ hai - chủ ngôn E2 không đồng ý với quan điểm của E1, và hai quan điểm này được thể hiện một cách đồng

thời. Thí dụ, trong phát ngôn “*Nam sẽ không đến đâu!*” thì E1 có quan điểm rằng *Nam sẽ đến* còn E2 thì ngược lại.

Như vậy, cần thiết phải phân biệt rõ các vai “tạo ngôn”, “thuyết ngôn” và “chủ ngôn”. Cũng có trường hợp các vai này trùng nhau, nhưng sự phân biệt các vai trên là thường xuyên xảy ra. Theo Đỗ Hữu Châu, nếu chỉ xét riêng quan hệ giữa “chủ ngôn” và “thuyết ngôn” trong các phát ngôn, có thể chỉ ra bốn dạng quan hệ cơ bản gồm: Dạng 1: Thuyết ngôn chỉ nhắc lại nội dung của chủ ngôn một cách “vô tư”, không có quan điểm riêng; Dạng 2: Thuyết ngôn tán đồng chủ ngôn, đồng nhất quan điểm với chủ ngôn; Dạng 3: Thuyết ngôn cũng là chủ ngôn: nội dung của phát ngôn do thuyết ngôn nói ra, do chính thuyết ngôn là tác giả; Dạng 4: Thuyết ngôn không tán thành quan điểm của chủ ngôn, nêu quan điểm của chủ ngôn ra để có thái độ về nó.

2.2. Bản chất của hiện tượng đa thành trong lập luận nghịch hướng

Lập luận nghịch hướng là loại lập luận mà các luận cứ có quan hệ nghịch hướng nhau với kết luận của lập luận. Ở dạng cơ bản nhất, lập luận gồm hai luận cứ p, q và kết luận r. Xét về quan hệ định hướng lập luận, p hướng đến kết luận - r còn q hướng đến kết luận r ($p \rightarrow -r$; $q \rightarrow r$). Ví dụ:

(1) *Cái áo này đẹp (p) nhưng đắt (q). Đùng mua (r)!*

Lập luận (1) có thành phần gồm hai luận cứ p, q và kết luận r. Dựa trên lẽ thường *hàng đẹp thì nên mua*, ta có: luận cứ p (*áo đẹp*) sẽ hướng đến kết luận - r (*không nên mua áo*). Dựa trên lẽ thường *hàng đắt thì không nên mua*, ta có: luận cứ q (*áo đắt*) sẽ hướng đến kết luận r (*không nên mua áo*). Xét về hướng lập luận, p hướng đến - r ($p \rightarrow -r$); còn q hướng đến r ($q \rightarrow r$), vậy nên (1) là lập luận nghịch hướng.

Theo tác giả Đỗ Hữu Châu, hiện tượng đa thành có thể diễn ra trong lập luận. Ở lập luận nghịch hướng, hiện tượng đa thành xuất hiện khi “*luận cứ của một chủ ngôn nào đó nghịch hướng về lập luận với luận cứ của thuyết ngôn, được đưa vào để phản bác*” [2; 189]. Ví dụ:

(2) *Sp1: Cái áo này đẹp quá! Tô mua nhé!*

Sp2: Đùng là cái áo này đẹp thật (p) nhưng đắt lắm (q). Cậu đừng mua (r)!

Ở Ví dụ (2), lời của Sp2 là một lập luận nghịch hướng, trong đó, luận cứ p (áo đẹp) định hướng đến kết luận - r (mua áo); trái lại, luận cứ q (áo đắt) định hướng đến kết luận ngược lại là r (không mua áo). Lập luận của Sp2 có tính đa thanh bởi luận cứ p (nghịch hướng với q) vốn là quan điểm của chủ ngôn Sp1 đã đưa ra trước đó.

Như vậy, việc xem xét hiện tượng đa thanh trong lập luận nghịch hướng nội riêng và lập luận nói chung thực chất là chỉ ra và phân biệt các vai “chủ ngôn” - nguồn gốc của quan điểm và “thuyết ngôn” - người chịu trách nhiệm về phát ngôn, còn ai là “tạo ngôn” không được bàn đến. Những tiền đề lí thuyết về đa thanh cũng như bản chất của hiện tượng đa thanh trong lập luận nghịch hướng chính là cơ sở lí luận để chúng tôi đi sâu phân tích các hình thức đa thanh trong lập luận nghịch hướng sử dụng kết từ “nhưng” - vốn là kết từ nghịch hướng có tần số xuất hiện cao, rất thông dụng trong giao tiếp hàng ngày của người Việt.

3. Các hình thức đa thanh trong lập luận nghịch hướng sử dụng kết từ “nhưng”

Phân tích lập luận sử dụng kết từ “nhưng”, chúng tôi nhận thấy cần chỉ rõ các kiểu quan hệ giữa thuyết ngôn và chủ ngôn ở hai vị trí, gồm: vị trí phát ngôn/ phản phát ngôn nêu luận cứ không hướng đến kết luận và vị trí phát ngôn/ phản phát ngôn nêu luận cứ hướng tới kết luận. Cụ thể:

- Ở vị trí phát ngôn/ phản phát ngôn nêu luận cứ không hướng tới kết luận (kí hiệu: PNp), quan hệ giữa chủ ngôn và thuyết ngôn có thể diễn ra như sau:

+ Trường hợp 1: thuyết ngôn khác chủ ngôn ($TN \neq CN$), thuyết ngôn nêu quan điểm của chủ ngôn ra để phản bác.

+ Trường hợp 2: thuyết ngôn khác chủ ngôn ($TN \neq$), thuyết ngôn chỉ nhắc lại quan điểm chủ ngôn, không có quan điểm riêng.

+ Trường hợp 3: thuyết ngôn cũng là chủ ngôn ($TN = CN$), nội dung của phát ngôn mà

thuyết ngôn nói ra do chính thuyết ngôn là tác giả.

- Ở vị trí của phát ngôn/ phản phát ngôn nêu luận cứ hướng đến kết luận (kí hiệu: PNq), quan hệ giữa chủ ngôn và thuyết ngôn có thể diễn ra như sau:

Trường hợp 1: thuyết ngôn khác chủ ngôn ($TN \neq CN$), thuyết ngôn tán thành quan điểm của chủ ngôn.

+ Trường hợp 2: thuyết ngôn khác chủ ngôn ($TN \neq CN$), thuyết ngôn chỉ nhắc lại quan điểm chủ ngôn, không có quan điểm riêng.

+ Trường hợp 3: thuyết ngôn cũng là chủ ngôn ($TN = CN$), nội dung của phát ngôn mà thuyết ngôn nói ra do chính thuyết ngôn là tác giả.

Trên cơ sở đó, có thể phân biệt ba dạng quan hệ cơ bản giữa thuyết ngôn và chủ ngôn ở PNp và PNq, tương ứng với ba hình thức đa thanh trong lập luận nghịch hướng như sau:

3.1. Dạng 1: PNp ($TN \neq CN$) - PNq ($TN = CN$)

Ở dạng 1, thuyết ngôn không phải là tác giả của nội dung trong PNp nhưng chính là tác giả của nội dung trong PNq. Ví dụ:

(3) *Về chữ nghĩa của bài “Văn cảnh”, đáng chú ý là câu thứ hai: “Hoa khai hoa tạ hường vô tình” dịch là “Hoa tàn hoa nở cũng vô tình” tuy đã khá sát với nghĩa của nguyên tác, nhưng vẫn dễ gây hiểu sai đi về chủ ngữ của hai chữ “vô tình”. Ai vô tình? Vô tình với cái gì. Như trên đã nói, có nhiều người hiểu là chế độ Quốc dân Đảng Trung Quốc vô tình với cái đẹp (p).*

Nhưng chữ nghĩa trong nguyên tác không phải như vậy. Câu thứ hai có thể dịch rõ ra thế này: “Hoa nở, hoa tàn (hai “sự” đó) đều vô tình” như thế thôi (q). Đây là sự vô tình của tự nhiên, của tạo hóa (r). [6; 461]

Phân tích ví dụ (3), ta có: ở vị trí PNp, thuyết ngôn - người lập luận đã dẫn lại quan điểm của chủ ngôn “nhiều người” với cách hiểu câu thơ thứ hai trong bài *Văn cảnh* là “chế độ Quốc dân Đảng Trung Quốc vô tình với cái đẹp”. Để bác lại quan điểm trên, thuyết ngôn đã đưa ra quan điểm của mình ở PNq cho rằng cần dịch rõ câu

thơ thứ hai là “*Hoa nở, hoa tàn (hai “sự” đó) đều vô tình*”. Đây chính là luận cứ phục vụ cho kết luận r: “*Đây là sự vô tình của tự nhiên, của tạo hóa*” vốn ngược với quan điểm của chủ ngôn “*nhiều người*”. Như vậy, ở PNp, thuyết ngôn khác chủ ngôn; còn ở PNq, thuyết ngôn và chủ ngôn là một.

Lập luận nghịch hướng có hình thức đa thanh dạng 1 khi thuyết ngôn đưa quan điểm của mình để bác lại quan điểm của một hoặc một số chủ ngôn mà mình không tán đồng. Kết quả khảo sát cho thấy, đây là dạng lập luận rất thông dụng, đặc biệt là trong giao tiếp hàng ngày, giúp người nói/ viết thể hiện trực tiếp quan điểm, chính kiến cá nhân của mình trước người nói/ người nghe.

3.2. Dạng 2: PNp (TN ≠ CN) - PNq (TN ≠ CN)

Ở dạng 2, thuyết ngôn không phải là tác giả của nội dung trong cả PNp và PNq. Quan điểm ở PNp và PNq có thể của cùng một chủ ngôn nhưng cũng có thể của các chủ ngôn khác nhau. Vậy nên, xét quan hệ giữa chủ ngôn ở PNp và chủ ngôn ở PNq, chúng tôi phân biệt hai trường hợp cụ thể sau:

- Trường hợp 1: Chủ ngôn ở PNp khác chủ ngôn ở PNq.

- Trường hợp 2: Chủ ngôn ở PNp và PNq là một.

Ví dụ trường hợp 1:

(4) Về “*Truyện Kiều*”, Phan Ngọc cho rằng *tư tưởng tài mệnh tương đố là sáng tạo của Nguyễn Du, còn tư tưởng vốn có của tác giả Thanh Tâm tài nhân là tình và khổ (p). Nhưng như Trần Đình Sử đã khẳng định, Nguyễn Du tuy có tiếp thu ảnh hưởng của chủ đề “tài mệnh tương đố” nhưng đã có sự đổi mới thành “thân mệnh tương đố” - một chủ đề xuất hiện trong văn học Việt Nam từ thế kỉ XVIII (q). Vậy nên, chúng tôi cũng cho rằng: “Truyện Kiều” nên được hiểu là một câu chuyện đoạn trường, đầy đau đớn, xót xa, bi kịch (r).*

Phân tích thí dụ (4), ta có: ở PNp, thuyết ngôn - người lập luận đã dẫn lại quan điểm của chủ ngôn Phan Ngọc cho rằng “*tư tưởng tài mệnh tương đố là sáng tạo của Nguyễn Du ...*”;

ở PNq, thuyết ngôn - người lập luận dẫn quan điểm của chủ ngôn Trần Đình Sử cho rằng “*Nguyễn Du có tiếp thu ảnh hưởng của chủ đề “tài mệnh tương đố” nhưng đã có sự đổi mới thành “thân mệnh tương đố...”*”. Trong lập luận này, chủ ngôn và thuyết ngôn phân biệt nhau ở cả vị trí PNp và PNq. Thuyết ngôn “*chúng tôi*” đã dẫn quan điểm của một chủ ngôn mà mình tán đồng để bác lại quan điểm của một chủ ngôn khác nhằm phục vụ cho kết luận r của lập luận, đó là: “*Truyện Kiều*” nên được hiểu là *câu chuyện đoạn trường, đầy đau đớn, xót xa, bi kịch*.

Ví dụ trường hợp 2:

(5) *Cái thằng bá Kiến này, già đời đục khoét, còn đốn cái nước gì mà phải chịu lép như trấu thế? Thôi đại gì mà vào miệng cop, hần cái đũa đây này, cứ lăn ra đây này, lại kêu toáng lên xem nào (p). Nhưng nghĩ ngợi một tí, hần lại bảo: kêu lên cũng không nước gì! Lão bá vừa nói một tiếng, bao nhiêu người đã ai về nhà nấy, hần có lăn ra kêu nữa, liệu có còn ai ra ? (q1) Và lại bây giờ rượu nhạt rồi, nếu lại phải rạch mặt thêm mấy nhát thì cũng đau (q2). Thôi cứ vào (r)!* [4; 37]

Ví dụ (5) là một đoạn trích trong truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao), thuật lại suy tính thiết hơn diễn ra trong nội tâm Chí Phèo trước hai cách hành xử, hoặc đứng i trước cửa nhà Bá Kiến mà tiếp tục ăn vạ la làng hay thỏa hiệp mà vào nhà cụ Bá. Phân tích cho thấy, ở PNp, thuyết ngôn - người kể chuyện đã nêu quan điểm của chủ ngôn Chí Phèo là tiếp tục ăn vạ la làng vì sợ “*vào miệng cop*”. Ở PNq, thuyết ngôn - người kể chuyện dẫn ra quan điểm ngược lại của chính Chí Phèo cho rằng “*kêu lên cũng không nước gì*” và “*bây giờ rượu nhạt rồi, nếu lại phải rạch mặt thêm mấy nhát thì cũng đau*”. Quan điểm được đưa ra ở PNq chi phối kết luận r, đó là việc Chí quyết định vào nhà cụ Bá, không nằm ăn vạ và la làng nữa. Trong trường hợp này, thuyết ngôn - người kể chuyện phân biệt với chủ ngôn - nhân vật Chí Phèo.

Như vậy, lập luận nghịch hướng có hình thức đa thanh ở dạng 2 trong hai trường hợp sau:

- Trường hợp 1: thuyết ngôn dẫn quan điểm của một/ một số chủ ngôn mà mình tán đồng để bác lại quan điểm của một/ một số chủ ngôn khác trên cơ sở quan điểm của các chủ ngôn này khác nhau hoặc trái ngược nhau.

Ở trường hợp này, người lập luận - thuyết ngôn thể hiện sự thận trọng và khôn khéo khi thuyết phục người khác bằng việc dẫn lại quan điểm của một chủ ngôn mà mình (và chắc chắn là nhiều người khác nữa) tán đồng. Người lập luận cũng thể hiện được chính kiến, tuy nhiên, không phải thông qua việc đưa ra quan điểm của bản thân mà qua việc tỏ thái độ đồng tình với quan điểm của người khác.

- Trường hợp 2: thuyết ngôn nêu các quan điểm khác nhau, trái ngược nhau của một chủ ngôn và không bày tỏ rõ quan điểm, sự đồng tình hay phản đối của mình.

Trường hợp này ít gặp trong giao tiếp hàng ngày, thường gặp hơn trong văn chương. Trong các tác phẩm tự sự, thuyết ngôn - người kể chuyện thâm nhập và thể hiện dấu tranh nội tâm của chủ ngôn - nhân vật xung quanh những sự lựa chọn, những cách hành xử ... khác nhau. Nhân vật - cũng là người lập luận - tự bác lại quan điểm của chính mình để khẳng định quan điểm khác với sự nhìn nhận và lựa chọn đúng đắn hơn, khôn ngoan hơn... Thuyết ngôn - người kể chuyện về cơ bản giữ khoảng cách với chủ ngôn - nhân vật, không trực tiếp thể hiện thái độ tán đồng hay phản bác với quan điểm của chủ ngôn nhằm tạo ra tính khách quan cho lời kể của mình.

3.3. Dạng 3: PNp (TN ≡ CN) - PNq (TN ≡ CN)

Ở dạng 3, thuyết ngôn và chủ ngôn ở cả PNp và PNq đồng nhất với nhau. Nội dung của PNp mà thuyết ngôn dẫn ra trong lập luận do chính thuyết ngôn là tác giả, thuyết ngôn tự bác lại quan điểm của mình nêu ra ở PNp và đưa ra quan điểm mới ở PNq mà thuyết ngôn thấy hợp lý hơn, đúng đắn hơn. Thí dụ:

(6) Nếu chúng ta đảo vị trí từ "trắng" câu thơ sẽ được viết như sau:

Cành lê điểm trắng một vài bông hoa

Ý nghĩa thông báo của câu thơ không thay đổi. Theo mô hình câu thơ lục bát bình thường, cũng không có biến đổi gì đáng kể vì hai từ hoán vị cho nhau đều là từ thanh trắc. Vâng, đúng vậy (p) Nhưng xem lại, hức tranh đã mất đi vẻ hài hòa màu sắc vì cặp từ "xanh" và "trắng" không còn đối chọi nhau ở hai câu thơ (q1). Mặt khác, cả câu bát có ba từ mang thanh trắc cao lên, trội lên trên nền những từ mang thanh bằng. Trong liên kết bộ ba ấy, nếu từ "trắng" đứng ở giữa như chúng ta giả định, nó sẽ có nguy cơ bị hòa lẫn, và bị hai từ kia lấn át (q2). Nhưng nguyên nhân sâu xa của vấn đề là cách nhìn sự vật của nhà thơ - họa sĩ Nguyễn Du... (q3) Bời vậy "Cành lê trắng điểm một vài bông hoa" là một trật tự sắp xếp tuân theo quy luật nhận thức bằng thính giác không thể thay đổi được (r). Nhà thơ - họa sĩ Nguyễn Du đã nhìn như vậy và để lại cả dấu ấn cách nhìn hiện thực của mình. [6; 87]

Ở Ví dụ (6) nêu trên, thuyết ngôn đã dẫn lại quan điểm của mình trong PNp: "*Vâng, đúng vậy*". Nội dung của phát ngôn trên có nghĩa là hoàn toàn có thể thay đổi vị trí của từ "trắng" mà không làm thay đổi hình thức và nội dung thông báo của câu thơ. Quan điểm này vốn đã được thuyết ngôn chứng minh và khẳng định trước đó lại bị chính thuyết ngôn phủ nhận. Ở PNq, thuyết ngôn đưa quan điểm khác cho rằng việc đảo vị trí từ *trắng* đã làm mất đi sự "*hài hòa về màu sắc*", đặc biệt là không đúng với "*quy luật nhận thức thính giác*" mang "*dấu ấn cách nhìn hiện thực*" của tác giả Nguyễn Du. Vậy nên, kết luận r - hoàn toàn trái ngược với điều đã được thuyết ngôn khẳng định trước đó - đã được rút ra, đó là: "*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*" là một trật tự sắp xếp ... không thể thay đổi được". Trong trường hợp này, thuyết ngôn trùng chủ ngôn ở cả hai vị trí là PNp và PNq.

Lập luận nghịch hướng có hình thức đa thanh ở dạng 3 khi người lập luận - thuyết ngôn đưa quan điểm mới của mình để bác lại quan điểm trước đó mình đã khẳng định.

Kết quả khảo sát cho thấy lập luận nghịch hướng dạng 3 thường được sử dụng trong hai

trường hợp: 1/ Thứ nhất, người lập luận đã có sự thay đổi về nhận thức, quan điểm, tự nhận thấy suy nghĩ hay nhận định, đánh giá của mình về một vấn đề, đối tượng nào đó trước đây là chưa đúng, chưa đầy đủ, cần phải điều chỉnh hoặc bổ sung; Thứ hai, thuộc về chiến thuật lập luận, bằng cách bác bỏ một quan điểm giả định mà trước đó đã được chứng minh, người lập luận khẳng định cách suy nghĩ, nhận định, đánh giá sau này mới thực sự đầy đủ và chân xác. Có thể nói, bằng việc phủ nhận một quan điểm, một cách hiểu vốn đã được khẳng định trước đó, lập luận đã trở nên chặt chẽ và có sức thuyết phục cao hơn.

So với dạng 1 và 2, hình thức đa thanh ở dạng 3 đặc biệt hơn. Thông thường, đa thanh trong lập luận nghịch hướng xảy ra khi có sự phân biệt giữa chủ ngôn và thuyết ngôn ở PNp hoặc/và PNq. Nhưng ở dạng 3, các vai chủ ngôn và thuyết ngôn ở các vị trí PNp và PNq trùng nhau. Việc xác lập hình thức đa thanh dạng 3 dựa trên phát biểu nổi tiếng của Ducrot về tính đa thanh trong lời nói của ông, đó là: “*Nếu tôi đương nói gì đây thì tôi không chỉ lập lại những điều tôi đã nói, đã giảng trước đây - những điều tôi nói, tôi giảng trước đây đến lượt mình lại lập lại những điều tôi nói, tôi giảng trước đó nữa...*” [2; 187]. Việc thuyết ngôn dẫn lại quan điểm của chính mình đã được khẳng định trước đó để bác lại nó, phủ định nó nhằm phục vụ cho kết luận khác cũng có thể coi là biểu hiện của đa thanh trong lập luận nghịch hướng.

4. Kết luận

Việc phân tích các mẫu lập luận sử dụng kết từ “nhưng” cho thấy: về cơ bản, hiện tượng đa thanh trong lập luận nghịch hướng xảy ra khi thuyết ngôn dẫn lại quan điểm của một chủ ngôn để phản bác lại. Nhưng thực tế, trong những lập luận dạng này, hiện tượng đa thanh có thể diễn ra theo ba hình thức cơ bản:

Dạng	Quan hệ giữa chủ ngôn và thuyết ngôn
1	PNp (TN ≠ CN) - PNq (TN ≡ CN)
2	PNp (TN ≠ CN) - PNq (TN ≠ CN)
3	PNp (TN ≡ CN) - PNq (TN ≡ CN)

tương ứng với các dạng quan hệ giữa chủ ngôn và thuyết ngôn ở PNp và PNq là: (1) Thuyết ngôn đưa ra quan điểm của mình để bác lại quan điểm của một/ một số chủ ngôn mà thuyết ngôn không tán đồng; (2) Thuyết ngôn dẫn lại quan điểm của một/ một số chủ ngôn mà mình tán đồng để bác lại quan điểm của một/ một số chủ ngôn khác; (3) Thuyết ngôn dẫn lại các quan điểm khác nhau của một chủ ngôn, không thể hiện rõ thái độ đồng tình hay phản bác; (4) Thuyết ngôn tự đưa ra các quan điểm khác nhau của chính mình, phản bác quan điểm trước, khẳng định quan điểm sau là đúng đắn.

Kết quả nghiên cứu trên đã khẳng định lại luận điểm của tác giả Đỗ Hữu Châu, đó là: đa thanh trong lập luận nghịch hướng xảy ra khi có sự mâu thuẫn giữa các quan điểm của thuyết ngôn và chủ ngôn, thuyết ngôn dẫn lại quan điểm của chủ ngôn để phản bác. Tuy nhiên, theo chúng tôi, cần bổ sung thêm rằng, đa thanh cũng có thể xuất hiện khi thuyết ngôn dẫn lại các quan điểm khác nhau của một chủ ngôn; đa thanh cũng hiện diện khi thuyết ngôn dẫn lại quan điểm chính mình đã khẳng định trước đó để bác bỏ nó nhằm khẳng định quan điểm sau mới là chân xác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Oswald Ducrot (2009), *Slovenian lectures (Introduction into argumentative semantics)*, (Ed. Igor and Ž. Žagar Introduction), Pedagoški inštitute.
- Đỗ Hữu Châu, Bùi Minh Toán (1993), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập II, Nxb Giáo dục, H.
- Nguyễn Đức Dân (1995), *Nhập môn logic hình thức và logic phi hình thức*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 1995.
- NGŨ LIỆU:
- Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học, 2008.
- Tô Hoài, *Dế Mèn phiêu lưu kí*, Nxb Văn học, 2009.
- Nhiều tác giả, *Giảng văn Văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, 2006.